

Bản án số: 586/2023/KDTM-PT

Ngày: 17/5/2023

V/v tranh chấp hợp đồng mua bán hàng hóa.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Trương Thị Thảo

Các Thẩm phán: 1. Bà Hoàng Thị Bích Thảo

2. Ông Đỗ Quốc Đạt

- Thư ký phiên tòa: Nguyễn Thị Thanh Hồng – Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Hồ Chí Minh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa: Ông Huỳnh Thanh Hải – Kiểm sát viên.

Ngày 17 tháng 5 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số 127/2022/TLPT-KDTM ngày 22 tháng 11 năm 2022 về việc “Tranh chấp hợp đồng mua bán hàng hóa”.

Do bản án sơ thẩm số 3521/2022/KDTM-ST ngày 15 tháng 9 năm 2022 của Tòa án nhân dân Thành phố T, Thành phố Hồ Chí Minh bị kháng nghị.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 1197/2023/QĐPT-KDTM ngày 31 tháng 01 năm 2023 và Quyết định hoãn phiên tòa số 4528/2023/QĐ-PT ngày 18 tháng 4 năm 2023, giữa:

1. Nguyên đơn: Công ty TNHH Thiết kế và Xây dựng D

Địa chỉ: Căn số 02.03 Tòa nhà S, Lầu 2, Tháp S1, số 28 M, phường A, thành phố T, Thành phố Hồ Chí Minh.

Người đại diện hợp pháp của nguyên đơn: Bà Lương Thị Thùy D, sinh năm 1992 (Giấy ủy quyền số: 04/2023/UQ-DB ngày 16 tháng 02 năm 2023).

2. Bị đơn: Công ty TNHH một thành viên Thương mại Dịch vụ Kỹ thuật

A.

Địa chỉ: 23/41 Đường F, khu phố 9, phường H, thành phố T, Thành phố Hồ Chí Minh.

Người đại diện theo pháp luật ông Lê Văn D, sinh năm 1973 (vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN

Tóm tắt nội dung vụ án và quyết định của bản án sơ thẩm như sau:

Ngày 07/10/2020, Công ty TNHH Thiết kế và Xây dựng D (sau đây gọi tắt là Công ty D) và Công ty TNHH một thành viên Thương mại Dịch vụ Kỹ thuật A (sau đây gọi tắt là Công ty A) đã ký kết Hợp đồng Mua bán số 01-A-DB về việc “Cung cấp và lắp đặt máy phát điện” cho dự án Khu Chung cư cao tầng và Thương mại Z2 tại địa chỉ Phường L, Thành phố T, Thành phố Hồ Chí Minh với giá trị Hợp đồng bao gồm thuế giá trị gia tăng là 192.500.000 đồng. Theo thỏa thuận các bên trong hợp đồng, Công ty D đã thực hiện nghĩa vụ thanh toán đợt một với số tiền là 35.000.000 đồng cho Công ty A theo Giấy báo nợ (ủy nhiệm chi) số IBDN247/638219 ngày 29/10/2020 và Giấy báo nợ số IBDN247/279570 ngày 19/11/2020. Tuy nhiên, vì Chủ đầu tư tạm ngừng việc thi công dự án trên, nên việc thực hiện Hợp đồng này bị tạm ngưng. Sau khi dự án được tiếp tục thi công, Công ty D và Công ty A đã thỏa thuận thanh lý Hợp đồng số 01-A DB và ký kết Hợp đồng Cung cấp số 10082021/HĐCC/DBP-A vào ngày 10/08/2021 với nội dung công việc, giá trị Hợp đồng tương tự như Hợp đồng số 01-A- DB, theo đó các quyền, nghĩa vụ và giá trị đã thanh toán từ Hợp đồng số 01-A-DB sẽ được chuyển giao qua Hợp đồng số 10082021/HĐCC/DBP-A và Công ty D đã tiếp tục thực hiện nghĩa vụ thanh toán các đợt tiếp theo, cụ thể: Thanh toán đợt hai là: 50.000.000 đồng theo Giấy báo nợ số: IBDN247/367541 ngày 17/09/2021; Thanh toán đợt ba là: 90.000.000 đồng theo Phiếu báo nợ với mã giao dịch số: 273ITC3220070001 ngày 07/01/2022. Như vậy, tổng giá trị mà Công ty D đã thanh toán cho Công ty A trước thời điểm giao hàng là 175.000.000 đồng và Công ty A phải tiến hành nghĩa vụ giao máy phát điện đến công trình để tiến hành công tác lắp đặt. Tuy nhiên, sau khi nhận đủ các khoản thanh toán theo quy định Hợp đồng thì Công ty A đã liên tục trì hoãn việc thực hiện Hợp đồng và đại diện Công ty A là ông Lê Văn D – đại diện pháp luật đồng thời là người trực tiếp làm việc, trao đổi với Công ty D đã có

hành vi trốn tránh, từ chối, cắt đứt liên hệ với đại diện Công ty D và bỏ trốn khỏi địa điểm văn phòng kinh doanh của Công ty A. Công ty D đã liên tục liên hệ, đến văn phòng Công ty A để yêu cầu Công ty A thực hiện Hợp đồng như đã thỏa thuận nhưng không nhận được bất cứ phản hồi về việc này. Để theo kịp tiến độ dự án đã cam kết với chủ đầu tư, Công ty D phải tìm kiếm và ký kết hợp đồng với một nhà cung cấp mới là Công ty TNHH Thương Mại Dịch vụ Kỹ thuật Điện P để thay thế Công ty A, được chứng minh bằng Hợp đồng thi công số Z2/HDTC/DBP-TTP/2022 ngày 11/01/2022, có tổng giá trị Hợp đồng là 275.000.000 đồng, Công ty D đã thực hiện nghĩa vụ thanh toán đợt một giá trị là 125.000.000 đồng theo phiếu báo nợ với mã giao dịch số: FT22012450911220 ngày 12/01/2022. Bởi vì hành vi vi phạm của Công ty A, Công ty D phải chi trả thêm phần chi phí phát sinh chênh lệch để mua máy phát điện thay thế là 82.500.000 đồng. Hành vi bỏ dở không thực hiện hợp đồng, từ chối liên hệ và bỏ trốn của đại diện pháp luật của Công ty A đã gây thiệt hại lớn và làm ảnh hưởng nghiêm trọng tiến độ thi công dự án mà Công ty D đã cam kết cũng như uy tín của Công ty D với Chủ đầu tư. Do đó, Công ty TNHH Thiết kế và Xây dựng D khởi kiện yêu cầu Tòa án xem xét và giải quyết các yêu cầu sau:

- Buộc Công ty TNHH Một Thành Viên Thương Mại Dịch Vụ Kỹ Thuật A hoàn trả lại toàn bộ số tiền mà Công ty D đã tạm ứng, thanh toán cho Hợp đồng Mua bán số 01-A-DB ngày 07/10/2020 và Hợp đồng cung cấp số 10082021/HĐCC/DBPA ngày 10/08/2021 với tổng giá trị là: 175.000.000 đồng;

- Phạt vi phạm theo quy định Hợp đồng do hành vi bỏ dở công trình hoặc thể hiện ý định không tiếp tục thực hiện nghĩa vụ theo Hợp đồng với giá trị phạt là 12% giá trị Hợp đồng, tương đương giá trị là: 23.100.000 đồng;

- Bồi thường thiệt hại do hành vi vi phạm đã gây ảnh hưởng nghiêm trọng đến tiến độ tổng của cả dự án là: 100.000.000 đồng;

- Buộc Công ty A bồi thường thiệt hại là tiền lãi theo mức lãi suất 10%/năm tương ứng với thời gian chiếm giữ vốn tính ngày vi phạm nghĩa vụ giao hàng 15/11/2021 đến ngày Tòa án mở phiên tòa xét xử vụ kiện là ngày 15/9/2022 là 14.583.333 đồng;

- Bồi thường thiệt hại là số tiền chênh lệch mà Công ty D phải thanh toán thêm để mua máy phát điện thay thế với giá trị là: 82.500.000 đồng.

(2) Đại diện hợp pháp của bị đơn Công ty TNHH một thành viên Thương mại Dịch vụ Kỹ thuật A vắng mặt không có lý do khi được Tòa án triệu tập lấy lời khai, tham gia phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải và vắng mặt phiên tòa sơ thẩm lần thứ nhất.

Bản án kinh doanh thương mại sơ thẩm số 3521/2022/KDTM-ST ngày 15 tháng 9 năm 2022 của Tòa án nhân dân thành phố T, Thành phố Hồ Chí Minh đã tuyên xử:

1. Đình chỉ một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn về việc yêu buộc Công ty A bồi thường thiệt hại số tiền 100.000.000 đồng, do hành vi vi phạm hợp đồng đã gây ảnh hưởng nghiêm trọng đến tiến độ tổng của cả dự án.

2. Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn:

- Buộc Công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên Thương mại Dịch vụ Kỹ thuật A có nghĩa vụ trả lại cho Công ty trách nhiệm hữu hạn Thiết kế và Xây dựng D số tiền mua hàng đã nhận là 175.000.000 đồng (một trăm bảy mươi lăm triệu đồng);

- Buộc Công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên Thương mại Dịch vụ Kỹ thuật A có nghĩa vụ bồi thường cho Công ty trách nhiệm hữu hạn Thiết kế và Xây dựng D tổng số tiền là 120.183.333 đồng (trong đó bao gồm tiền bồi thường phạt vi phạm hợp đồng là 23.100.000 đồng, tiền bồi thường để mua máy phát điện từ nơi khác thay thế và khắc phục hậu quả đã gây ra là 82.500.000 đồng, bồi thường tiền lãi phát sinh là 14.583.333 đồng).

Kể từ ngày Công ty trách nhiệm hữu hạn Thiết kế và Xây dựng D có đơn yêu cầu thi hành án nếu Công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên Thương mại Dịch vụ Kỹ thuật A, không thực hiện hoặc chậm thực hiện nghĩa vụ trả tiền, thì hàng tháng còn phải chịu thêm tiền lãi theo mức lãi suất được quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015, tương ứng với thời gian và số tiền chậm thi hành án.

Ngày 03 tháng 10 năm 2022, Viện kiểm sát nhân dân thành phố T, Thành phố Hồ Chí Minh ban hành quyết định kháng nghị phúc thẩm số 542/QĐKNPT-VKS-KDTM đối với Bản án kinh doanh thương mại sơ thẩm số 3521/2022/KDTM-ST ngày 15/9/2022 của Tòa án nhân dân thành phố T.

1. Về thời hạn kháng nghị:

Ngày 15/9/2022, Tòa án nhân dân thành phố T ban hành Bản án sơ thẩm số 3521/2022/KDTM-ST. Viện kiểm sát nhân dân thành phố T không tham gia phiên tòa. Ngày 21/9/2022, Viện kiểm sát nhân dân thành phố T nhận được bản án. Căn cứ khoản 1 Điều 280 Bộ luật Tố tụng dân sự 2015, còn thời hạn kháng nghị phúc thẩm của Viện kiểm sát nhân dân thành phố T.

2. Về nội dung kháng nghị:

2.1. Về tố tụng:

Bản án sơ thẩm nhận định như sau: Đại diện hợp pháp của bị đơn vắng mặt tại phiên tòa lần thứ hai, mặc dù đã được triệu tập hợp lệ, không vì sự kiện bất khả kháng hoặc trở ngại khách quan nên Hội đồng xét xử áp dụng Điều 227 và Điều 278 Bộ luật Tố tụng dân sự 2015 để tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn.

Xét thấy: Căn cứ Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp Công ty TNHH MTV mã số doanh nghiệp: 0313518671 (Đăng ký lần đầu: ngày 03/11/2015; Đăng ký thay đổi lần thứ 2 ngày 08/3/2018) xác định bị đơn - Công ty A có địa chỉ trụ sở tại 23/41 Đường F, Khu phố 9, phường H, quận T, Tp. Hồ Chí Minh. Căn cứ Phiếu cung cấp thông tin đăng ký doanh nghiệp ngày 02/6/2022 của Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh thì Công ty A chưa đăng ký giải thể.

Căn cứ vào các biên bản ghi nhận sự việc ngày 12/7/2022, ngày 03/8/2022 và ngày 25/8/2022 ghi nhận được nội dung *thư ký đã đến địa chỉ trên để tổng đạt cho công ty, tuy nhiên thời điểm tổng đạt không thấy nhân viên làm việc, không gặp được người đại diện theo pháp luật, không gặp được người có chức năng nhận văn bản, không thấy treo biển hiệu nên tổng đạt trực tiếp không thành*. Trên cơ sở đó, Tòa án tiến hành thủ tục niêm yết các văn bản tố tụng tại địa chỉ của bị đơn. Thủ tục niêm yết công khai này phù hợp quy định tại Điều 179 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

Khoản 1 Điều 178 Bộ luật Tố tụng dân sự 2015 thì: *“Trường hợp người được cấp, tổng đạt, thông báo là cơ quan, tổ chức thì văn bản tố tụng phải được giao trực tiếp cho người đại diện theo pháp luật hoặc người chịu trách nhiệm nhận văn bản của cơ quan, tổ chức đó và phải được những người này ký nhận.*

Trường hợp cơ quan, tổ chức được cấp, tổng đạt, thông báo có người đại diện tham gia tố tụng hoặc cử người đại diện nhận văn bản tố tụng thì những người này ký nhận văn bản tố tụng đó. Ngày ký nhận là ngày được cấp, tổng đạt, thông báo”

Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp của Công ty A thì người đại diện theo pháp luật của công ty là ông Lê Văn D. Ông D có 02 địa chỉ cụ thể như sau: Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: ấp Đông A, xã H, huyện C, tỉnh Tiền Giang; Chỗ ở hiện tại: 35/4 Đường F, Khu phố 5, phường H, quận T, Tp. Hồ Chí Minh.

Hồ sơ vụ án thể hiện việc Tòa án không tiến hành xác minh tình trạng cư trú của ông Lê Văn D tại 02 địa chỉ nêu trên để thực hiện việc niêm yết, tổng đạt các văn bản tố tụng là vi phạm thủ tục tố tụng, chưa đảm bảo quy định tại Điều 178 Bộ luật Tố tụng dân sự 2015 ảnh hưởng quyền lợi của bị đơn tại Điều 70, Điều 72 Bộ luật Tố tụng dân sự 2015; Mặt khác, vụ án thuộc trường hợp phải tiến hành xác minh, thu thập chứng cứ nên Viện kiểm sát tham gia phiên tòa sơ thẩm nhưng Tòa án không xác minh chứng cứ, không chuyển hồ sơ để Viện kiểm sát tham gia phiên tòa sơ thẩm nhưng Tòa án không xác minh chứng cứ, không chuyển hồ sơ để Viện kiểm sát tham gia phiên tòa là chưa đảm bảo quy định tại khoản 2 Điều 21 Bộ luật Tố tụng dân sự 2015.

2.2. Về nội dung:

Tại đơn khởi kiện và tại phiên tòa sơ thẩm, nguyên đơn yêu cầu bị đơn thanh toán tiền phạt vi phạm theo quy định hợp đồng cho hành vi bỏ dở công trình hoặc thể hiện ý định không tiếp tục thực hiện nghĩa vụ theo hợp đồng với giá trị phạt là 12% giá trị hợp đồng, tương đương giá trị là 23.100.000 đồng.

Bản án nhận định: Yêu cầu khởi kiện của Nguyên đơn về việc phạt do vi phạm phù hợp với thỏa thuận của các bên tại Điều 9 của Hợp đồng cung cấp số 10082021HNCDBP-A ngày 10/8/2021 và tuyên xử chấp nhận yêu cầu này của nguyên đơn.

Tại Điều 7 và Điều 9 của Hợp đồng cung cấp số 10082021/HĐCC/DBP-A ngày 10/8/2011 các bên thỏa thuận với mức phạt 12% giá trị của hợp đồng. Căn cứ Điều 301 Luật Thương mại 2005 thì: “*Mức phạt đối với vi phạm nghĩa vụ hợp đồng hoặc tổng mức phạt đối với nhiều vi phạm do các bên thỏa thuận trong hợp đồng, nhưng không quá 8% giá trị phần nghĩa vụ hợp đồng bị vi phạm*” theo đó mức phạt chỉ được xác định không quá 8% phần giá trị bị vi phạm. Việc các bên thỏa thuận mức phạt 12% giá trị của hợp đồng là vượt quá quy định của pháp luật. Việc bản án chấp nhận thỏa thuận của các bên với mức

phạt 12% giá trị của hợp đồng mà không điều chỉnh lại cho phù hợp là vi phạm Điều 301 Luật Thương Mại 2005.

Vì các lẽ trên quyết định:

1. Kháng nghị toàn bộ Bản án kinh doanh thương mại sơ thẩm số 3521/2022/KDTM-ST ngày 15/9/2022 của Tòa án nhân dân thành phố T.

2. Đề nghị Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh xét xử phúc thẩm theo hướng hủy toàn bộ Bản án kinh doanh thương mại sơ thẩm nêu trên.

Tại phiên tòa phúc thẩm:

Đại diện nguyên đơn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện và đề nghị y án sơ thẩm.

Bị đơn: Tổng đạt hợp lệ nhưng vẫn vắng mặt không lý do.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Hồ Chí Minh phát biểu ý kiến:

- Về tố tụng: Thẩm phán và Hội đồng xét xử thực hiện đúng các quy định của pháp luật trong quá trình thụ lý giải quyết vụ án và tại phiên tòa phúc thẩm theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự 2015.

- Về nội dung: Căn cứ khoản 3 Điều 308 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015: Chấp nhận Quyết định kháng nghị phúc thẩm số 542/QĐKNPT-VKS-KDTM ngày 03/10/2022 của Viện kiểm sát nhân dân thành phố T; Hủy Bản án sơ thẩm số 3521/2022/KDTM-ST ngày 15/9/2022 của Tòa án nhân dân thành phố T và chuyển hồ sơ vụ án cho Tòa án cấp sơ thẩm giải quyết lại theo thủ tục sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, đã được thẩm tra công khai tại phiên tòa và kết quả tranh luận, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng:

Căn cứ đơn khởi kiện của nguyên đơn và các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ thì việc khởi kiện của nguyên đơn là tranh chấp phát sinh trong hoạt động kinh doanh thương mại về hợp đồng mua bán hàng hóa, bị đơn Công ty TNHH một thành viên Thương mại Dịch vụ Kỹ thuật A có trụ sở tại thành phố T. Căn

cứ khoản 1 Điều 30 và điểm b khoản 1 Điều 35 Bộ luật tố tụng dân sự, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố T, Thành phố Hồ Chí Minh là phù hợp theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Viện kiểm sát nhân dân thành phố T ban hành quyết định kháng nghị phúc thẩm đối với Bản án kinh doanh thương mại sơ thẩm số 3521/2022/KDTM-ST ngày 15/9/2022 của Tòa án nhân dân thành phố T. Căn cứ điểm b khoản 3 Điều 38 Bộ luật tố tụng dân sự 2015 nên thuộc thẩm quyền giải quyết Tòa kinh tế Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh.

[2] Về nội dung:

Căn cứ nội dung kháng nghị, Hội đồng xét xử phúc thẩm nhận thấy:

[2. 1] Về tố tụng:

Căn cứ Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp Công ty A mã số doanh nghiệp: 0313518671, có địa chỉ trụ sở tại 23/41 Đường F, Khu phố 9, phường H, quận T, Thành phố Hồ Chí Minh và cung cấp thông tin đăng ký doanh nghiệp ngày 02/6/2022 của Sở kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh thì Công ty A chưa đăng ký giải thể.

Ngày 12/7/2022, ngày 03/8/2022 và ngày 25/8/2022 (Từ bút lục 07 đến bút lục 17) ghi nhận sự việc với nội dung: *“thư ký đã đến địa chỉ trên để tổng đạt cho công ty, tuy nhiên thời điểm tổng đạt không thấy nhân viên làm việc, không gặp được người đại diện theo pháp luật, không gặp được người có chức năng nhận văn bản, không thấy treo biển hiệu nên tổng đạt trực tiếp không thành”*. Trên cơ sở đó, Tòa án tiến hành thủ tục niêm yết các văn bản tố tụng tại địa chỉ 23/41 Đường F, Khu phố 9, phường H, quận T, Thành phố Hồ Chí Minh.

Tuy nhiên, căn cứ khoản 1 Điều 178 Bộ luật Tố tụng dân sự 2015 thì: *“Trường hợp người được cấp, tổng đạt, thông báo là cơ quan, tổ chức thì văn bản tố tụng phải được giao trực tiếp cho người đại diện theo pháp luật hoặc người chịu trách nhiệm nhận văn bản của cơ quan, tổ chức đó và phải được những người này ký nhận. Trường hợp cơ quan, tổ chức được cấp, tổng đạt, thông báo có người đại diện tham gia tố tụng hoặc cử người đại diện nhận văn bản tố tụng thì những người này ký nhận văn bản tố tụng đó. Ngày ký nhận là ngày được cấp, tổng đạt, thông báo”* nhưng thực tế, Tòa án nhân dân thành phố T chưa tổng đạt hợp lệ các văn bản có liên quan cho người đại diện theo pháp luật hoặc cử người đại diện nhận văn bản tố tụng của Công ty A.

Đồng thời, căn cứ khoản 1 Điều 179 Bộ luật Tố tụng dân sự 2015 thì: *“Việc niêm yết công khai văn bản tố tụng được thực hiện trong trường hợp không thể cấp, tổng đạt, thông báo trực tiếp văn bản tố tụng theo quy định tại Điều 177 và Điều 178 của Bộ luật này”*.

Theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp của Công ty A thì người đại diện theo pháp luật của công ty là ông Lê Văn D; Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: ấp Đông A, xã H, huyện C, tỉnh Tiền Giang; Chỗ ở hiện tại: 35/4 Đường F, Khu phố 5, phường H, quận T, Tp. Hồ Chí Minh.

Hồ sơ vụ án không thể hiện việc Tòa án tiến hành xác minh tình trạng cư trú của ông Lê Văn D tại 02 địa chỉ trên đồng thời tiến hành xác minh địa chỉ hoạt động mới của Công ty A để thực hiện việc tổng đạt, niêm yết và các văn bản tố tụng là vi phạm thủ tục tố tụng, chưa đảm bảo quy định tại Điều 178 và Điều 179 Bộ luật Tố tụng dân sự 2015.

Căn cứ khoản 2 Điều 97 Bộ luật Tố tụng dân sự 2015 thì: *“Tòa án có thể tiến hành thu thập tài liệu, chứng cứ trong trường hợp xác minh sự có mặt hoặc vắng mặt của đương sự tại nơi cư trú”*.

Như vậy, căn cứ Khoản 2 Điều 21 Bộ luật Tố tụng dân sự 2015 quy định: *“Viện kiểm sát tham gia các phiên họp sơ thẩm đối với các việc dân sự; phiên tòa sơ thẩm đối với những vụ án do Tòa án tiến hành thu thập chứng cứ...”*. Vụ án này thuộc trường hợp phải tiến hành xác minh, thu thập chứng cứ nên Viện kiểm sát tham gia phiên tòa sơ thẩm.

[2.2] Về nội dung:

Căn cứ Điều 301 Luật Thương mại 2005 thì: *“Mức phạt đối với vi phạm nghĩa vụ hợp đồng hoặc tổng mức phạt đối với nhiều vi phạm do các bên thỏa thuận trong hợp đồng, nhưng không quá 8% giá trị phần nghĩa vụ hợp đồng bị vi phạm, trừ trường hợp quy định tại Điều 266 của Luật này”*. Như vậy, hai công ty thỏa thuận mức phạt 12% tại Điều 7 và Điều 9 của Hợp đồng cung cấp số 10082021/HĐCC/DBP-A ngày 10/8/2011 là vượt quá quy định của pháp luật. Việc cấp sơ thẩm chấp nhận thỏa thuận của các bên với mức phạt 12% giá trị của hợp đồng mà không điều chỉnh lại cho phù hợp là vi phạm quy định pháp luật.

Từ những phân tích trên, Quyết định kháng nghị phúc thẩm số 542/QĐKNPT-VKS-KDTM ngày 03/10/2022 của Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân thành phố T đối với Bản án kinh doanh thương mại sơ thẩm số

3521/2022/KDTM-ST ngày 15/9/2022 của Tòa án nhân dân thành phố T là có cơ sở nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

Căn cứ khoản 3 Điều 308 và Điều 310 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 hủy bản án kinh doanh thương mại sơ thẩm số 3521/2022/KDTM-ST ngày 15/9/2022 của Tòa án nhân dân thành phố T, Thành phố Hồ Chí Minh.

[3] Về án phí:

Án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm:

Do hủy toàn bộ bản án sơ thẩm, căn cứ khoản 3 Điều 148 Bộ luật tố tụng dân sự nghĩa vụ chịu án phí được xác định lại khi giải quyết lại vụ án theo thủ tục sơ thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 3 Điều 308 và Điều 310 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

Tuyên xử:

1. Chấp nhận Quyết định kháng nghị phúc thẩm số 542/QĐKNPT-VKS-KDTM ngày 03/10/2022 của Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân thành phố T.

2. Hủy bản án kinh doanh thương mại sơ thẩm số 3521/2022/KDTM-ST ngày 15/9/2022 của Tòa án nhân dân thành phố T, Thành phố Hồ Chí Minh xét xử vụ tranh chấp hợp đồng mua bán hàng hóa giữa nguyên đơn: Công ty TNHH Thiết kế và Xây dựng D với Bị đơn: Công ty TNHH một thành viên Thương mại Dịch vụ Kỹ thuật A.

Chuyển hồ sơ vụ án cho Tòa án nhân dân thành phố T, Thành phố Hồ Chí Minh giải quyết lại vụ án theo thủ tục sơ thẩm đúng quy của pháp luật.

3. Về án phí:

Do hủy toàn bộ bản án sơ thẩm, căn cứ khoản 3 Điều 148 Bộ luật tố tụng dân sự nghĩa vụ chịu án phí được xác định lại khi giải quyết lại vụ án theo thủ tục sơ thẩm.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- TAND Tối cao;

- TAND Cấp cao tại TP.HCM;
- TAND thành phố T;
- Chi CTHADS thành phố T;
- VKSND TP Hồ Chí Minh;
- Cục THADS TP Hồ Chí Minh;
- Lưu.

Trương Thị Thảo

